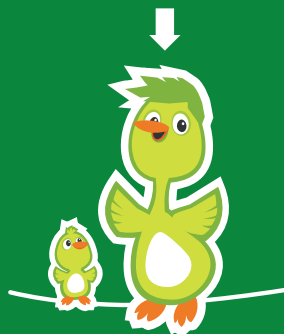
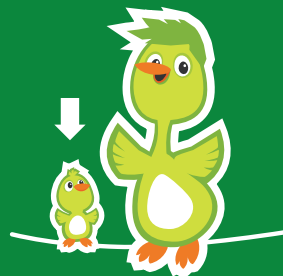


Bilingual Birdies

MANDARIN WORDS OF THE WEEK:
JUNGLE ANIMALS



大
DÀ
(BIG)



小
XIǎO
(SMALL)



丛林
CÓNG LÍN
(JUNGLE)



狮子
SHĪ
(LION)



相机
XIÀNG Jī
(CAMERA)



大象
DÀ XIÀNG
(ELEPHANT)



蛇
SHÉ
(SNAKE)



丛林摄影
CÓNG LÍN SHÈ YǐNG
(PHOTO-SAFARI)



蚂蚁
Mǎ Yǐ
(ANT)



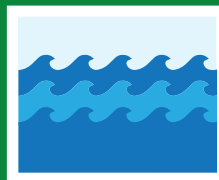
长颈鹿
CHÁNG JǐNG Lù
(GIRAFFE)

Bilingual Birdies

MANDARIN WORDS OF THE WEEK:
JUNGLE ANIMALS



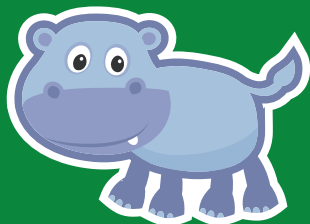
我很渴
Wǒ hěn kě
(I'M THIRSTY)



水
SHUǐ
(WATER)



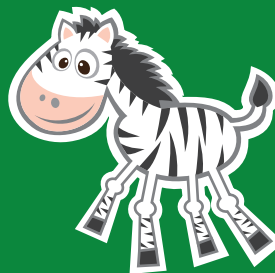
河
HÉ
(RIVER)



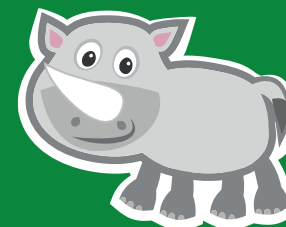
河马
HÉ Mǎ
(HIPPOPOTAMUS)



狮子
SHĪ ZI
(LION)



斑马
BĀN Mǎ
(ZEBRA)



犀牛
XĪ NIÚ
(RHINOCEROS)



谢谢
XIÈ XIÈ
(THANK YOU)



不客气
BÚ KÈ Qì
(YOU'RE WELCOME)



老虎
Lǎo hǔ
(TIGER)



猴子
HÓU ZI
(MONKEY)